

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN: TOÁN 10
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	HÀM SỐ BẬC HAI VÀ ĐỒ THỊ	I.1. Hàm số và đồ thị	Nhận biết: – Biết khái niệm hàm số, tập xác định, tập giá trị, đồ thị của hàm số. – Biết khái niệm hàm số đồng biến, nghịch biến. – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Tính được các giá trị của hàm số $y = f(x)$ tại các điểm cho trước. – Xác định được một điểm nào đó có thuộc một đồ thị hàm số cho trước hay không. – Tìm tập xác định của các hàm số đơn giản (dạng có 1 điều kiện). – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. Thông hiểu:	2	2.0	2	4.0	1	7.0			5	13	21.7

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			– Tìm tập xác định của các hàm số dạng kết hợp nhiều điều kiện. – Chứng minh hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến trên một khoảng cho trước. – Từ đồ thị, bảng biến thiên xác định khoảng đồng biến, nghịch biến, tập giá trị hàm số, ... Vận dụng: – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (đơn giản, quen thuộc). – Tìm m để hàm số xác định trên $\mathbb{R}$ – Tìm m để hàm số đồng biến/ nghịch biến trên một khoảng cho trước. – Tìm m để hàm số xác định trên một khoảng, một đoạn.											
		I.2. Hàm số bậc hai	Nhận biết : – Xác định được: các hệ số a, b, c; tọa độ đỉnh; trục đối xứng; chiều biến thiên, tập giá trị, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất (nếu có) của hàm số $y = ax^2 + bx + c(a \neq 0)$.	3	3.0	2	4.0	1	7.0			6	14	24.6

[illegible]

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			có trục đối xứng, đỉnh cho trước. Vận dụng: – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.											
2	THỐNG KÊ	II.1. Số gần đúng và sai số	Nhận biết : – Biết được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối, sai số tương đối,... – Xác định được số đúng, số gần đúng. – Xác định được sai số tuyệt đối. Thông hiểu: – Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. – Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. – Xác định được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước.	2	2.0	2	4.0					4	6.0	11.7
		II.2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Nhận biết: Xác định và nhận xét được số liệu trên các bảng và biểu đồ.	2	2.0							2	2.0	5.8
3	VECTƠ	III.1. Vectơ, các	Nhận biết :	5	5.0	4	8.0			1	12	10	25	36.3

[illegible]

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			– Chứng minh các đẳng thức vector. – Phân tích một vector theo hai vector không cùng phương (Cơ bản) – Xác định điểm thỏa mãn đẳng thức vector. (Cơ bản) – Tính tích vô hướng của hai vector có sử dụng các phép toán biến đổi vector. – Tính số đo các góc, độ dài các vector. Vận dụng cao: – Chứng minh thẳng hàng – Các bài toán về thẳng hàng, đẳng thức vector có chứa tham số. – Xác định điểm thỏa mãn đẳng thức vector. – Các bài toán min, max về độ dài vector.											
Tổng				14	14	10	20	2	14	1	12	27	60	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I -NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN NGỮ VĂN LỚP 10-THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Chủ đề kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Thấp	Cao	
Phần I: Độc Đọc hiểu văn bản ngoài nhà trường Văn bản nghị luận	- Nhận biết được luận đề, luận điểm (khía cạnh của vấn đề), luận cứ (lí lẽ) và dẫn chứng trong văn bản nghị luận - Nhận biết các yếu tố miêu tả, tự sự, thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận - Nhận biết được đối tượng, bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản.	- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản. - Lí giải được mục đích, tình cảm, thái độ của người viết. - Phân tích - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng, vai trò của các yếu tố miêu tả, tự sự, thuyết minh, biểu cảm; lí giải được mối quan hệ trong tính chỉnh thể giữa luận đề, luận điểm, luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) của văn bản nghị luận. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp tu từ	Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống	Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản; (liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn). -Đánh giá ý nghĩa, giá trị của thông điệp trong văn bản theo quan niệm của cá nhân.	
	Số câu:2 Số điểm: 1,5 (0,75/1c) Tỉ lệ: 25 %	Số câu: 2. Số điểm:3.0 (1,5/1 câu) Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ:1 0 %	Số câu: 1 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 0.5%	Số câu:6 Số điểm: 6 Tỉ lệ: 60%
Phần II Viết Nghị luận văn học (Một bài thơ/ một đoạn thơ hiện đại)	- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình. Chỉ ra các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh...trong bài thơ/ đoạn thơ.	- Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề, lí giải tình cảm tư tưởng; quan niệm thẩm mĩ và nhân sinh mới mẻ. - Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.	Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.	- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục	
	Tỉ lệ: 15 %	Tỉ lệ: 10%	Tỉ lệ:10 %	Tỉ lệ: 0.5%	Số câu:1 Số điểm: 4 Tỉ lệ: 40%
Toàn bài	Tỉ lệ: 40 %	Tỉ lệ: 30%	Tỉ lệ:20 %	Tỉ lệ: 10%	Số phần: 2 Số điểm: 10.0 Tỉ lệ: 100%

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN-MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN TIẾNG ANH (Năm học: 2023-2024)
LỚP 10 (40 CÂU TRẮC NGHIỆM – 10 CÂU TỰ LUẬN)

CHUYÊN ĐỀ	KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ CÂU HỎI						TỔNG SỐ CÂU	
		Nhận biết - Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
PRONUNCIATION	Phát âm "-ed”	1						1	
	Nguyên âm (Long and short vowels)			1				1	
STRESS	Trọng âm từ có 2 hoặc 3 âm tiết	2						2	
GRAMMAR	Simple past – Past continuous			1		1		2	
	Prepositions	1						1	
	Present perfect vs Simple past			1		1		2	
	Future tenses	1				1		2	
	Conditional sentences	2		1		1		4	
	Error recognition	2						2	
	Sentence transformation	1		1				2	
	Phrasal verbs (Give- Fit)	2						2	
	VOCABULARY (COMMUNITY SERVICE – GENDER EQUALITY)	Collocations	1						1
Word forms			3		1		1		5
Synonym		1		1				2	
Antonym		2						2	
SPEAKING	Common spoken expressions	1						1	
READING (COMMUNITY SERVICE – GENDER EQUALITY)	Conjunction	1						1	
	Prepositions	1		1				2	
	Relative words	1						1	
	Synonym	1						1	
	Word choice	1						1	
	Inference	2						2	
	Comprehension	3		2				5	
WRITING (Sentence transformation)	Present perfect vs Simple past		1						1
	Verb tenses (Future tenses)		1						1
	Conditional sentences	1	2						3
TỔNG CỘNG		35		10		5		50	
ĐIỂM		7Đ		2Đ		1Đ		10Đ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN: VẬT LÝ 10
NĂM HỌC: 2023-2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	MÔ TẢ CHUYỂN ĐỘNG	Chuyển động thẳng biến đổi.	Nhận biết: Nêu các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều trong trường hợp vật rơi tự do Vận dụng Vận dụng được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều trong trường hợp vật rơi tự do	1,0	3,5	1,0	4,0					2	7,5	20
2	LỰC VÀ GIA TỐC	II.1. Lực và gia tốc	Nhận biết: Nhận biết được mối liên hệ gia tốc và lực Thông hiểu: Hiểu được biểu thức liên hệ giữa gia tốc và lực.	0,5	1,75	0,5	2,0					1	3,75	10
3		II.2 Một số lực thường gặp	Nhận biết: +Nêu được đặc điểm của hai lực cân bằng +Nêu được đặc điểm của trọng lực. Thông hiểu: Hiểu được lực ma sát trượt xuất hiện khi nào. Hiểu được lực ma sát nghỉ xuất hiện khi nào. Vận dụng	1,0	3,5	0,5	2,0	1	5,5	0,5	4,0	3	15	30

			+ Tính được trọng lượng của một vật có khối lượng nhất định. + Giải thích được hiện tượng liên quan đến lực ma sát hoặc lực cản. Vận dụng cao Tính độ lớn của lực căng dây hoặc trọng lực (Chỉ xét bài toán vật treo vào điểm chính giữa của một sợi dây được căng ngang).											
4		II.3 Ba định luật Newton về chuyển động	Nhận biết: Phát biểu định luật I Newton Thông hiểu: Hiểu được nội dung của ba định luật Newton để giải thích một số hiện tượng thường gặp trong thực tế. Vận dụng: Dựa vào định luật II Newton cho a, m tìm F hoặc cho F, m tìm a. Vận dụng cao Vận dụng các định luật I, II, III Newton để giải được các bài toán đối với một vật	1,0	3,5	1,0	4,0	0,5	2,75	0,5	4,0	3	14,25	30
5		II.4 Tổng hợp và phân tích lực	Nhận biết: Định nghĩa tổng hợp lực của các lực đồng quy. Vận dụng: Tổng hợp được các lực đồng quy trên một mặt phẳng.	0,5	1,75			0,5	2,75			1	4,5	10
Tổng				4	14	3	12	2	11	1	8	10	45,00	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70			30			100				

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Thời gian	% tổng Điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)		
1	Chương 1: Cấu tạo nguyên tử	Cấu trúc lớp vỏ electron của nguyên tử	1	4	-	-	-	-	-	-	4	10%
2	Chương 2: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Cấu tạo bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	1	4	-	-	-	-	-	-	4	10%
		Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm	-	-	1	4	-	-	-	-	4	10%
		Định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	-	-	-	-	1	5	1	7	12	20%
3	Chương 3: Liên kết hóa học	Quy tắc octet	1	4	-	-	-	-	-	-	4	10%
		Liên kết ion	1	4	1	4	1	5	-	-	13	30%
		Liên kết cộng hóa trị	-	-	1	4	-	-	-	-	4	10%
Tổng			4	16	3	12	2	10	1	7	45	100%
Tỉ lệ %			40		30		20		10			100%

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Cấu tạo nguyên tử	Cấu trúc vỏ electron của nguyên tử	Nhận biết: - Dựa vào số hiệu nguyên tử, kí hiệu nguyên tử viết cấu hình electron. - Biểu diễn sự phân bố electron lên các orbitals nguyên tử - Dựa vào sự phân bố electron trên các orbitals, xác định electron độc thân. - Dựa vào đặc điểm cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử dự đoán được tính chất hoá học cơ bản (kim loại, phi kim, khí hiếm) của nguyên tố tương ứng. - Viết được cấu hình electron nguyên tử dựa vào các dữ liệu cho trước sự phân bố số electron trên các lớp, phân lớp.	1			
2	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Cấu tạo bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Mô tả được cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học và nêu được các khái niệm liên quan (ô, chu kì, nhóm). - Nêu được nguyên tắc sắp xếp của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (dựa theo cấu hình electron). - Dựa vào cấu hình electron, xác định được vị trí của nguyên tố trong bảng tuần hoàn (ô, chu kì, nhóm).	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		<i>Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố, thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kì và nhóm</i>	Thông hiểu: - So sánh một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố (sắp xếp thứ tự các nguyên tố theo chiều tăng hoặc giảm dần bán kính nguyên tử, độ âm điện, tính kim loại-phi kim, tính acid-base). - Dựa vào cấu hình electron, xác định oxide cao nhất và hydroxide tương ứng.		1		
		<i>Định luật tuần hoàn – Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</i>	Nhận biết: - Phát biểu được định luật tuần hoàn. Thông hiểu: - Trình bày và giải thích được ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học: Mọi liên hệ giữa vị trí (trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học) với tính chất và ngược lại (ion, nguyên tử) - Mọi quan hệ giữa cấu hình, vị trí, tính chất. (ion, nguyên tử) Vận dụng: - Bài toán xác định nguyên tố dựa theo oxide cao nhất, hợp chất khí với hydrogen, hydroxide tương ứng. Vận dụng cao: - Toán kim loại tác dụng với nước, kim loại tác dụng với acid,...			1	1
3	Liên kết hóa học	<i>Quy tắc octet</i>	Nhận biết: - Trình bày được quy tắc octet trong quá trình hình thành liên kết hoá học cho các nguyên tố nhóm A . - Trình bày được sự hình thành các phân tử (H₂O, N₂...), sự tạo thành ion dương, ion âm bằng quy tắc octet.	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Liên kết ion	Nhận biết: - Nêu được các khái niệm: ion, ion dương, ion âm, ion đơn nguyên tử, ion đa nguyên tử. - Nêu định nghĩa của liên kết ion. - Trình bày được sự hình thành liên kết ion - Nêu được đặc điểm của hợp chất ion. Thông hiểu: - Viết cấu hình electron của ion từ cấu hình của nguyên tử. - Xác định số p, n, e của ion. Vận dụng: - Toán ion đơn nguyên tử cơ bản.	1	1	1	
		Liên kết cộng hóa trị	Thông hiểu: - Giải thích sự tạo thành các phân tử bằng liên kết cộng hóa trị và quy tắc octet. - Viết công thức electron, công thức cấu tạo, công thức Lewis của các đơn chất và hợp chất có liên kết cộng hoá trị. - Phân biệt được các loại liên kết (liên kết cộng hóa trị không phân cực, phân cực, liên kết ion) dựa theo hiệu độ âm điện. - Xác định số liên kết π , liên kết σ trong liên kết cộng hóa trị.		1		
Tổng				4	3	2	1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN: SINH HỌC 10 (2023 - 2024)

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	Cấu trúc tế bào	1. Cấu trúc tế bào nhân sơ.	Nhận biết: - Mô tả được thành phần chủ yếu của một tế bào. - Mô tả được kích thước của tế bào nhân sơ. - Mô tả được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ Thông hiểu: - Phân biệt được vi khuẩn Gram âm và Gram dương và hiểu ý nghĩa trong việc phân loại hai nhóm vi khuẩn trong sử dụng thuốc kháng sinh. Vận dụng: -Giải thích được mối quan hệ giữa kích thước tế bào và tỉ lệ S/V	0,5	2	0,5	2	0,5	3	0	0	1,5	7	15

			- Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của tế bào nhân sơ.											
		2. Tế bào nhân thực	Nhận biết -Mô tả được kích thước của tế bào nhân thực -Mô tả được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân thực -Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất. -Mô tả được cấu trúc và chức năng của nhân tế bào, màng sinh chất., - Mô tả được cấu trúc và chức năng các bào quan (ribosome, ti thể, lục lạp, lưới nội chất, bộ máy golgi...), tế bào chất. - Mô tả được sơ đồ sản xuất và vận chuyển prptein tiết ra ngoài tế bào. Thông hiểu - Hiểu được được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân. - Hiểu được vai trò của các thành phần cấu tạo nên màng sinh chất. - Quan sát hình ,chú thích hình về một số bào quan trong tế bào nhân thực. - Lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào	2	8	1,5	5	0,5	3	0	0	4	16,00	40

[illegible]

	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong tế bào	2. Sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất	Nhận biết - Nêu được ý nghĩa của các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất. Thông hiểu - Hiểu được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động. - Hiểu được đặc điểm của các chất khi vận chuyển qua màng sinh chất. - Trình bày được hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất. Vận dụng - So sánh hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động theo các tiêu chí cụ thể. --Lấy được ví dụ về các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất. -Lấy được ví dụ minh họa về hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất. Vận dụng cao - Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn	1,0	4	1,0	4	1,0	5	1	7	4	20,00	40

			(muối dưa, muối cà, rửa rau sống.....).											
Tổng				4	16	3	11	2	11	1	7	10	45,00	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

[illegible]

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

3		I.3.Văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại	Nhận biết - Nêu được những thành tựu tiêu biểu văn minh Hy Lạp – La Mã: chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao Thông hiểu - Hiểu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Hy Lạp – La Mã Vận dụng- Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò, vị trí cống hiến của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại			1	11							30%
4		I.IV. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng	Nhận biết – Nêu được thành tựu tiêu biểu văn minh thời Phục hưng : tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học,... Thông hiểu - Hiểu được ý nghĩa của những thành tựu văn minh thời Phục hưng Vận dụng- Vận dụng cao: - Đánh giá được cống hiến của văn minh thời Phục hưng trong lịch sử văn minh thế giới; đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh thời Phục hưng.					0.5	9	0,5	7			30%
Tổng				2	18	1	12	0.5	9	0.5	6	4	45	100
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%				100
Tỉ lệ chung %				70%				30%						100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Khí quyển	– Khí áp và gió – Mưa – Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất	Nhận biết – Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. – Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Thông hiểu – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. Vận dụng – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). – Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. Vận dụng cao – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.	2* (a;b)	1* (a;b)	1* (a;b)	1

2	Thủy quyền	– Khái niệm thủy quyền – Nước trên lục địa – Nước biển và đại dương	Nhận biết – Nêu được khái niệm thủy quyền. – Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. – Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. Thông hiểu – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. – Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. – Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. – Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. – Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. – Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyền.				
3	Sinh quyển	– Đất – Sinh quyển – Sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất	Nhận biết – Trình bày được khái niệm về đất. – Trình bày được khái niệm sinh quyển.				

			Thông hiểu - Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. - Trình bày được các nhân tố hình thành đất. - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. Vận dụng – Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới. Vận dụng cao – Liên hệ được thực tế ở địa phương về các nhân tố hình thành đất. – Liên hệ được thực tế về đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật ở địa phương.				
	Số câu/ loại câu			2 câu TL (a; b)	1 câu TL (a; b)	1 câu TL (a; b)	1 câu TL
	Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức cần đạt	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
				Số CH	Thời gian(phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	Thời gian (phú t	
1	Bài 6: Ngân sách Nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước	Ngân sách Nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước	Nhận biết: - Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước là gì? - Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. Thông hiểu: - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách. Vận dụng: - Phân biệt được quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện ngân sách nhà nước.	2	2	2	2.5	4	6			8		10.5	24.24

2	Bài 7: Thuế và thực hiện pháp luật về thuế	Thuế và thực hiện pháp luật về thuế	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thuế là gì, một số loại thuế ở nước ta hiện nay. - Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Thông hiểu: - Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. - Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. - Nêu được một số ví dụ thể hiện công dân phản ánh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Vận dụng: - Phân biệt được các loại thuế cơ bản.	3	3	2	2.5	3	4.5			8		10	24.24
---	--	-------------------------------------	---	---	---	---	-----	---	-----	--	--	---	--	----	-------

3	Bài 8: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được khái niệm sản xuất kinh doanh. - Chỉ ra được những vai trò cơ bản của sản xuất kinh doanh. Thông hiểu: - Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. Vận dụng cao - Tìm hiểu, đánh giá và tham gia vào một số hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân.	3	3	2	2.5			1	3	6		8.5	18.18
4	Bài 9: Tín dụng và vai trò của tín dụng	Tín dụng và vai trò của tín dụng	Nhận biết - Nêu được khái niệm tín dụng là gì? - Chỉ ra được những đặc điểm của tín dụng. - Hiểu được vai trò của tín dụng Thông hiểu - Liệt kê được những biểu hiện của tín dụng được thể hiện trong đời sống Vận dụng cao: - Giải quyết tình huống trong thực tế	3	3	2	2.5			1	3	6		8.5	18.18

5	Bài 10: Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng.	Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng.	Nhận biết - Nêu được khái niệm một số dịch vụ tín dụng - Chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của một số dịch vụ tín dụng. Thông hiểu - Tìm hiểu được các điều kiện để có thể tham gia và sử dụng một số dịch vụ tín dụng hiệu quả. Vận dụng cao - Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.	2	2	2	2.5			1	3	5		7.5	15.16
6	Tổng			13	13	10	12.5	7	10.5	3	9	33		45	100
7	Tỉ lệ			40		30		20		10					
8	Tỉ lệ chung			70				30							

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: CÔNG NGHỆ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Khái quát về công nghệ	Một số công nghệ phổ biến.	Nhận biết: - Kể tên được một số công nghệ phổ biến. Thông hiểu: - Trình bày được nội dung cơ bản của một số công nghệ phổ biến.	1	1	0	0
		Thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	Nhận biết: - Trình bày được yêu cầu của một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. - Trình bày được triển vọng của một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: - Trình bày được những thông tin chính về thị trường lao động của một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.	2	1	0	0
2	Đổi mới công nghệ	Ứng dụng của một số công nghệ mới	Nhận biết: - Kể tên một số công nghệ mới. Thông hiểu: - Tóm tắt được bản chất và hướng ứng dụng của một số công nghệ mới.	1	1	0	0
		Đánh giá công nghệ	Nhận biết: - Nêu được mục đích đánh giá công nghệ. - Kể tên các tiêu chí cơ bản trong đánh giá sản phẩm công nghệ. Thông hiểu: - Giải thích được các tiêu chí cơ bản trong đánh giá sản phẩm công nghệ. Vận dụng: - Sắp xếp các thông tin của sản phẩm theo các tiêu chí đánh giá.	2	1	1	0

3	Vẽ kĩ thuật	Bản vẽ kĩ thuật và các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	Nhận biết: - Nêu được khái niệm, vai trò của bản vẽ kĩ thuật. Thông hiểu: - Giải thích được một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật. Vận dụng: - Phân biệt, nhận diện đúng các tiêu chuẩn bản vẽ.	3	2	2	0
		Hình chiếu vuông góc	Nhận biết: - Nêu được tên gọi các hình chiếu vuông góc. Thông hiểu: - Tóm tắt được phương pháp chiếu góc thứ nhất. Vận dụng: - Phân biệt được hình chiếu vuông góc. Vận dụng cao: - Hoàn thiện một bản vẽ kĩ thuật có 3 hình chiếu vuông góc.	2	2	2	2
		Hình chiếu trục đo	Nhận biết: - Nêu được tên gọi các loại hình chiếu trục đo. - Nêu được đặc điểm các loại hình chiếu trục đo. Thông hiểu: - Tóm tắt được phương pháp hình chiếu trục đo. Vận dụng: - Phân biệt được hình chiếu trục đo. Vận dụng cao: - Hoàn thiện một bản vẽ kĩ thuật có hình chiếu trục đo.	2	2	2	1
Tổng				13	10	7	3

TTCM

TRẦN THỊ HÀ



- HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM - THỜI GIẢN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								%tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	CHỦ ĐỀ A Máy tính và xã hội tri thức	1. Dữ liệu, thông tin và xử lý thông tin	2		1		1				12%
3	CHỦ ĐỀ F Lập trình cơ bản	1. Làm quen với ngôn ngữ lập trình bậc cao	1		1						88%
		2. Biến, phép gán và biểu thức số học	2		2		1				
		4. Các kiểu dữ liệu số và câu lệnh vào - ra đơn giản	2		2		1		1		
		5. Câu lệnh rẽ nhánh	3		2		2		1		
		6. Câu lệnh lặp	3		2		2		1		
Tổng			13		10		7		3		
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		
Tỉ lệ chung			100%								

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 MÔN TIN HỌC, LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	CHỦ ĐỀ A Máy tính và xã hội tri thức	1. Dữ liệu, thông tin và xử lý thông tin	Nhận biết - Nêu được sự ưu việt của việc lưu trữ dựa trên các thiết bị số, các đơn vị đo thông tin - Nhận biết dữ liệu, thông tin, vật mang tin Thông hiểu - Phân biệt được thông tin và dữ liệu, vật mang tin - Nêu được ví dụ minh họa về thông tin và dữ liệu. - Chuyển đổi được giữa các đơn vị lưu trữ thông tin: B, KB, MB,... Vận dụng - Xử lí, lưu trữ và truyền thông tin bằng thiết bị số.	2(TN)	1(TN)	1(TN)	
	CHỦ ĐỀ F Lập trình cơ bản	1. Làm quen với ngôn ngữ lập trình bậc cao	Nhận biết - Nêu được các thành phần cơ bản của NNLT nói chung: Bảng chữ cái, cú pháp, ngữ nghĩa. - Nhận biết các loại tên trong lập trình: tên dành riêng, tên chuẩn, tên do người dùng đặt Thông hiểu: - Phân biệt được việc đặt tên biến đúng/sai qui định.	1(TN)	1(TN)		

		2. Biến, phép gán và biểu thức số học	Nhận biết - Phân biệt được hằng và biến. - Biết thứ tự ưu tiên của các phép toán - Biết import một số thư viện phục vụ cho quá trình tính toán - Biết cú pháp lệnh gán Thông hiểu: - Hiểu ý nghĩa, cú pháp lệnh gán Vận dụng - Biết cách trình bày biểu thức số học trong>NNLT Python	2(TN)	2(TN)	1(TN)	
CHỦ ĐỀ F Lập trình cơ bản		4. Các kiểu dữ liệu số và câu lệnh vào - ra đơn giản	Nhận biết - Nêu được lệnh vào ra đơn giản - Nhận biết một số kiểu dữ liệu cơ bản: số nguyên, số thực, chuỗi - Biết các hàm ép kiểu Thông hiểu - Hiểu cú pháp lệnh print, input, gán - Biết cách tìm ra kiểu dữ liệu thực sự của một biến Vận dụng/ vận dụng cao - Sử dụng lệnh print, input, gán, ép kiểu cho một số yêu cầu cụ thể - Đọc hiểu và tìm lỗi chương trình	2(TN)	2(TN)	1(TN)	1(TN)

		5. Câu lệnh rẽ nhánh	Nhận biết - Nêu được cấu trúc lệnh if thiếu và đủ. - Nhận diện được khối lệnh Thông hiểu - Biết cách viết biểu thức điều kiện - Nhận biết được khối lệnh nào được thực hiện trong câu lệnh if Vận dụng/ vận dụng cao - Sử dụng lệnh if phù hợp cho trường hợp cụ thể - Thành thạo sử dụng khối lệnh, biểu thức điều kiện - Đọc hiểu và tìm lỗi chương trình - Biết tính toán giá trị cho các biến trong if	3(TN)	2(TN)	2(TN)	1(TN)
	CHỦ ĐỀ F Lập trình cơ bản	6. Câu lệnh lặp	Nhận biết - Biết được cú pháp, ý nghĩa câu lệnh for và while - Nắm cú pháp hàm range Thông hiểu - Nhận biết trường hợp nào sử dụng cú pháp vòng lặp nào cho phù hợp. - Xác định chính xác các giá trị cho hàm range - Hiểu cách thực hiện của vòng lặp for, while Vận dụng/ vận dụng cao - Viết được câu lệnh lặp dạng for và dạng while trong Python. - Biết tính toán giá trị cho các biến trong vòng lặp - Đọc hiểu và tìm lỗi chương trình	3(TN)	2(TN)	2(TN)	1(TN)
Tổng				13	10	7	3

Tỉ lệ	40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung	100%			

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ I (Năm học 2023-2024)

MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP - 10

STT	CHỦ ĐỀ	HOẠT ĐỘNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1	Xây dựng nhà trường	Hoạt động 3: Thực hiện nội quy trường lớp.	✓ Hiểu rõ nội quy của trường, lớp. ✓ Biết cách thực hiện nội quy của trường, lớp một cách chủ động và tự giác.
		Hoạt động 7: Rèn luyện sự tự tin, thân thiện trong giao tiếp ứng xử.	✓ Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, ứng xử thân thiện với thầy cô, bạn bè và với mọi người. ✓ Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.
2	Khám phá và phát triển bản thân	Hoạt động 7: Thể hiện quan điểm sống của bản thân.	✓ Xác định được một số quan điểm sống của bản thân. ✓ Thể hiện được quan điểm sống của bản thân bằng những hành động cụ thể.
		Hoạt động 8: Phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu	✓ Đề xuất được những biện pháp cụ thể để phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.
3	Tư duy phản biện và tư	Hoạt động 3: Điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực.	✓ Đề xuất được một số cách thức rèn luyện để điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực.

	duy tích cực	Hoạt động 4: Rèn luyện tư duy phản biện.	✓ Xác định được các bước thực hành tư duy phản biện để phân tích, đánh giá một vấn đề cụ thể.
		Hoạt động 5: Vận dụng tư duy phản biện, tư duy tích cực khi đánh giá sự vật, hiện tượng.	✓ Vận dụng được các bước thực hành tư duy phản biện, tư duy tích cực để bình luận, đánh giá một số vấn đề cụ thể trong học tập và cuộc sống.
4	Trách nhiệm với gia đình	Hoạt động 3: Thực hiện trách nhiệm đối với các hoạt động lao động trong gia đình.	✓ Hiểu được trách nhiệm của bản thân khi tham gia các hoạt động lao động trong gia đình.
		Hoạt động 6: Xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân.	✓ Lựa chọn được mục tiêu tài chính cá nhân phù hợp. ✓ Thiết kế và thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lý, hiệu quả.
		Hoạt động 8: Kết nối yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.	✓ Thiết kế và tổ chức thực hiện được hoạt động để kết nối yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.

Nhóm trưởng HĐTN 10

Nguyễn Thị Hương

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ I (Năm học 2023-2024)
MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 10
(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên)

STT	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1	Võ Trường Toàn – Danh nhân đất Gia Định	– Nêu được những nội dung nổi bật về Võ Trường Toàn – một danh nhân tiêu biểu của Gia Định. – Phân tích được vai trò, vị thế của danh nhân Võ Trường Toàn đối với Gia Định nói riêng và miền Nam nói chung. – Rút ra được bài học cá nhân về việc rèn luyện phẩm chất đạo đức từ danh nhân Võ Trường Toàn
2	Đạo lí “uống nước nhớ nguồn” qua các nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh	– Trình bày được đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” thông qua một số nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được thực trạng và một số hoạt động bảo tồn, phát huy đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” qua các nghi lễ dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Biết trân trọng giá trị các nghi lễ dân gian, có hành động cụ thể góp phần giữ gìn và phát huy đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của địa phương
3	Quá trình tiếp nhận và biến đổi văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh	– Trình bày được khái lược về lịch sử hình thành địa danh Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh. – Nêu được quá trình tiếp nhận văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh. – Phân tích và hiểu được quá trình biến đổi văn hoá của vùng đất Sài Gòn – Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh

4	Sự hình thành và phát triển các loại hình văn hoá văn nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh	– Nêu được những đặc điểm cơ bản của các hình thức diễn xướng dân gian ở Gia Định – Sài Gòn. – Trình bày được sự hình thành và phát triển các loại hình văn hoá, văn nghệ của Thành phố Hồ Chí Minh. – Hát đúng giai điệu, lời ca một số điệu hò, lí,...của địa phương
---	--	--

Nhóm trưởng

Đậu Thị Hương